

Số: 638 /TCT-CS
V/v: Chính sách thuế đối
với nhà thầu nước ngoài

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2016

Kính gửi: Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa.

Trả lời công văn số 3675/CT-KT3 ngày 17/12/2015 của Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa về chính sách thuế đối với nhà thầu nước ngoài, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

Tại điểm 2c và 2d Điều 2 Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 quy định về người nộp thuế TNDN bao gồm:

“c) Doanh nghiệp nước ngoài có cơ sở thường trú tại Việt Nam nộp thuế đối với thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam mà khoản thu nhập này không liên quan đến hoạt động của cơ sở thường trú;

d) Doanh nghiệp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam nộp thuế đối với thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam”.

Tại Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính Phủ về thuế TNDN quy định:

“3. Thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam của các doanh nghiệp quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 2 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập nhận được có nguồn gốc từ Việt Nam từ hoạt động cung ứng dịch vụ, cho vay vốn, tiền bản quyền cho tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài đang kinh doanh tại Việt Nam, không phụ thuộc vào địa điểm tiến hành kinh doanh.

Thu nhập chịu thuế quy định tại khoản này không bao gồm thu nhập từ dịch vụ thực hiện ngoài lãnh thổ Việt Nam như: sửa chữa phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị ở nước ngoài; quảng cáo, tiếp thị, xúc tiến đầu tư và xúc tiến thương mại ở nước ngoài; môi giới bán hàng hoá ở nước ngoài; đào tạo ở nước ngoài; chia cước dịch vụ bưu chính, viễn thông quốc tế cho phía nước ngoài.

Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể về thu nhập chịu thuế quy định tại khoản này”.

Tại khoản 1, điều 1 Thông tư số 60/2012/TT-BTC ngày 12/4/2012 và tại khoản 1, Điều 1 Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6/8/2014 của Bộ Tài chính về thuế nhà thầu quy định đối tượng áp dụng:

“1. Tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; cá nhân nước ngoài kinh doanh là đối tượng cư trú tại Việt Nam hoặc không là đối tượng cư trú tại Việt Nam (sau đây gọi chung là Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài) kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thoả thuận, hoặc cam kết giữa Nhà thầu nước ngoài với tổ chức, cá

nhân Việt Nam hoặc giữa Nhà thầu nước ngoài với Nhà thầu phụ nước ngoài để thực hiện một phần công việc của Hợp đồng nhà thầu”.

Tại điểm b) khoản 1 Điều 13 Thông tư số 60/2012/TT-BTC ngày 12/4/2012 và tại tiết b2), b3) khoản 1 Điều 13 Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6/8/2014 hướng dẫn việc xác định doanh thu tính thuế TNDN đối với một số trường hợp cụ thể như sau:

“b.2) Trường hợp Nhà thầu nước ngoài ký hợp đồng với Nhà thầu phụ Việt Nam hoặc Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện nộp thuế theo phương pháp kê khai hoặc Nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế theo phương pháp hỗn hợp để giao bớt một phần giá trị công việc hoặc hạng mục được quy định tại Hợp đồng nhà thầu ký với Bên Việt Nam và danh sách các Nhà thầu phụ Việt Nam, Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện phần công việc hoặc hạng mục tương ứng được liệt kê kèm theo Hợp đồng nhà thầu thì doanh thu tính thuế TNDN của Nhà thầu nước ngoài không bao gồm giá trị công việc do Nhà thầu phụ Việt Nam hoặc Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện...”

b.3) Trường hợp Nhà thầu nước ngoài ký hợp đồng với Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện nộp thuế theo phương pháp trực tiếp thì Bên Việt Nam khai nộp thuế TNDN thay cho Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài theo tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế tương ứng với ngành kinh doanh mà Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài đó thực hiện theo hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ. Nhà thầu phụ nước ngoài không phải khai nộp thuế TNDN trên phần giá trị công việc Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện theo quy định tại hợp đồng nhà thầu phụ ký với Nhà thầu nước ngoài mà Bên Việt Nam đã khai nộp thay”.

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp nhà thầu chính giao thầu một phần công việc của nhà thầu chính cho nhà thầu phụ, sau đó nhà thầu phụ này tiếp tục giao thầu một phần công việc của mình cho nhà thầu phụ khác; nếu nhà thầu chính và nhà thầu phụ ký hợp đồng với nhà thầu chính đều nộp thuế TNDN theo phương pháp tỉ lệ tính trên doanh thu thì nhà thầu phụ không trực tiếp ký hợp đồng với nhà thầu nước ngoài và không có tên trong danh sách các nhà thầu phụ liệt kê kèm theo Hợp đồng nhà thầu chính ký với Bên Việt Nam phải nộp thuế TNDN đối với phần giá trị công việc được giao thầu từ nhà thầu phụ.

Tổng cục Thuế trả lời để Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa biết và thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa phản ánh về Tổng cục Thuế để được giải quyết kịp thời./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Đỗ Hoàng Anh Tuấn, Vũ Thị Mai (để b/c);
- Vụ: PC, CST (BTC);
- Vụ PC, KK, DNL (TCT);
- Công ty SK Engineering & Construction
(Đ/c: Khu kinh tế Nghi Sơn, xã Hải Yến, huyện Tĩnh Gia,
Thanh Hóa);
- Lưu VT, CS (2b).

